TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/**2023/HNGĐ - ST
Ngày: 05-01-2023
V/v: "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Khắc Phong**
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Tống Văn Long**
2. Bà **Nguyễn Thị Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bắc** - Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thùy Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đặng Văn T**, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Số U, tổ dân phố A, phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Mai Th**, sinh năm: 1985;

HKTT: Tổ 11, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ cư trú: Số H, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Đặng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Mai Th sau thời gian tự nguyện tìm hiểu đã tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông vào ngày 21/7/2020, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn là phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau nên vợ chồng thường xích mích căng thẳng, không được hạnh phúc. Mỗi người đều có cuộc sống riêng, sống ly thân mỗi người một

nơi, không quan tâm đến nhau. Từ giữa năm 2021 đến nay **v**ợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai Th.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 31/10/2022 và trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị Mai Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn T sau thời gian tìm hiểu đã tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông vào ngày 21/7/2020, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về kinh tế nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, anh Tường sống tại thành phố G, tỉnh Đăk Nông, còn chị sống tại thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Nay, anh Đặng Văn T yêu cầu được ly hôn thì chị không đồng ý, chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng chị chưa có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mai Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Mặt khác, nguyên đơn anh Đặng Văn T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Đặng Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị Mai Th vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Cho anh Đặng Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai Th.

Về con chung: Các đương sự chưa có con chung nên không đề cập đến.

Về tài sản chung: Các bên không có tài sản chung nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Các bên không có nợ chung nên không xem xét đến.

Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Tường phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh Đặng Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bgiải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai Th. Vì vậy, Tòa án xác định đây là tranh chấp về *"Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Nguyễn Thị Mai Th có địa chỉ cư trú tại phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Phiên tòa ngày 28 tháng 12 năm 2022, bị đơn chị Nguyễn Thị Mai Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Đặng Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị Mai Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Tường, chị Thảo theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn T và chị Nguyễn Thị Mai Th đã được UBND phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 21/7/2020, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Tường và chị Thảo là hợp pháp.

Theo anh T, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau nên vợ chồng xích mích căng thẳng, không được hạnh phúc. Mỗi người đều có cuộc sống riêng, sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau.

Còn theo chị Th thì trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về kinh tế nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, anh Tường sống tại thành phố G, tỉnh Đăk Nông, còn chị sống tại thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Mặt khác, Tòa án đã tiến hành xác minh bà Phạm Thị Th (mẹ đẻ của chị Th, mẹ vợ của anh T) thì bà Thu cho biết: *"Ông T và bà Th kết hôn theo quy định pháp luật, sau khi kết hôn hai vợ chồng xuống Bình Dương để làm ăn thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do ông Tường có người phụ nữ khác bên ngoài, chị Th biết được từ đó hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, không tôn trọng nhau. Có*

lần ông T đánh bà Thảo còn gọi điện về cho bà nghe...Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2021 thì hai vợ chồng sống ly thân, ông T sống ở đâu thì bà không biết, còn bà Thảo về sống với bà tại địa chỉ phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Th và ông T mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau".

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Thảo là có xảy ra trên thực tế và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tường, cho anh T được ly hôn với chị Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh T, chị Th chưa có con chung nên không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung: Anh T, chị Thảo đều xác nhận không có tài sản chung nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Anh T, chị Thảo đều xác nhận không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Đặng Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bị đơn chị Nguyễn Thị Mai Th không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 205, 210, 220, 227, 228, 262 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 18, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Đặng Văn T đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Mai Th.

Cho anh Đặng Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai Th.

2. Về án phí: Buộc anh Đặng Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0005298 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B (anh Tường đã nộp đủ). Chị Nguyễn Thị Mai Th không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND phường N, TP. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ninh Khắc Phong